

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH THÁI NGUYÊN

Bùi Thị Ngân¹, Nguyễn Thị Linh Trang²,
Lê Thu Hoài³

Tóm tắt

Hiện nay, vấn đề quan trọng đặt ra đối với các Ngân hàng thương mại là làm thế nào để quản trị rủi ro tín dụng một cách hiệu quả. Bởi một hệ thống quản trị rủi ro tín dụng mạnh không chỉ giúp giảm thiểu chi phí, tối đa lợi nhuận mà còn góp phần tạo ra lợi thế cạnh tranh cho ngân hàng. Do đó, hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thái Nguyên đã áp dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp. Thực trạng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2020 đang còn tồn tại một số hạn chế trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng như: thiếu chặt chẽ trong khâu tiếp nhận và thẩm định, tập trung nhiều dư nợ vào một số ít ngành hàng và khách hàng, đối với khách hàng mới thành lập ngân hàng chỉ đánh giá dựa vào các chỉ tiêu phi tài chính. Từ những hạn chế đó, tác giả đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Rủi ro tín dụng, nợ quá hạn, nợ xấu.

CREDIT RISK MANAGEMENT FOR CORPORATE CUSTOMERS AT SAIGON THƯƠNG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK – THAI NGUYEN BRANCH

Abstract

Today, the important issue for commercial banks is how to effectively manage credit risks. Because a strong credit risk management system not only helps to reduce costs and maximize profits, but also contributes to creating competitive advantages among banks. Therefore, the credit risk management system at Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Thai Nguyen Branch has been applied to corporate customers. The current situation of credit risk management at Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Thai Nguyen Branch in the period of 2018 - 2020 shows that the bank still has some limitations such as: lack of close management in the receiving and appraisal stages, a large concentration of outstanding loans on a few categories and customers, evaluation based on non-financial criteria for newly established customers. From those limitations, the authors offer some solutions and recommendations to improve the effectiveness of credit risk management for corporate customers in the next period.

Keywords: Credit risk, overdue debt, bad debt.

JEL classification: G, G21, G24.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề rủi ro và quản trị rủi ro tín dụng (QTRRTD) của các ngân hàng thương mại (NHTM) hiện nay đã trở nên bức thiết để bảo toàn vốn đầu tư. Việc xây dựng tổng thể các bước trong QTRRTD của NHTM có ý nghĩa rất quan trọng bởi hoạt động cho vay gắn liền với sự tồn tại của NH, đã cho vay sẽ phát sinh rủi ro và khó kiểm soát dẫn đến mất vốn. Hiện nay, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên (NH TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Thái Nguyên) đang tiến hành nhận biết và đánh giá rủi ro thông qua việc phân loại dự nợ, phân tích tình hình nợ quá hạn, nợ xấu và tiến hành xếp hạng tín dụng khách hàng theo thang điểm nội bộ. Qua phân tích, nhận thấy lượng khách hàng doanh nghiệp được đánh giá là cần chú ý khi cho vay để giảm rủi ro tín dụng chiếm tỷ trọng khá cao gần 30% trên tổng lượng khách hàng doanh nghiệp mà ngân hàng (NH) cho vay. Vậy tại sao NH đã tiến hành các bước trong quy

trình QTRRTD nhưng tỷ lệ khách hàng doanh nghiệp cần chú ý khi cho vay và có khả năng mất vốn của NH vẫn ở mức cao? Điểm yếu trong các bước QTRRTD của NH là gì?

2. Cơ sở lý luận

Đào Nguyên Thuận (2019) cho rằng “*Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình nhận dạng, phân tích, đo lường mức độ rủi ro từ đó đề xuất những biện pháp và cách thức quản lý để hạn chế và loại trừ mức độ rủi ro tín dụng trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại*”

Đối với NHTM, QTRRTD là công tác cần thiết để tránh tổn thất về vốn và thiệt hại về danh tiếng. QTRRTD còn giúp giảm chi phí và nâng cao thu nhập, tăng niềm tin cho khách hàng gửi tiền. Ngoài ra, các NHTM hoạt động như một mạng lưới có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nếu một NH bị bất ổn sẽ kéo theo cả hệ thống sẽ bị ảnh hưởng và tác động tiêu cực tới nền kinh tế.

Công tác QTRRTD ở NHTM thường được thực hiện theo quy trình 4 bước như: Nhận diện rủi

ro; Đo lường rủi ro; Kiểm soát và đánh giá rủi ro tín dụng; Xử lý rủi ro tín dụng. Một số mô hình lượng hóa đánh giá rủi ro như: Mô hình điểm số Z, Mô hình chất lượng 6C. Mô hình điểm số tín dụng tiêu dùng. Ngoài ra, để đánh giá rủi ro tín dụng còn sử dụng các chỉ số như: Tỷ lệ nợ quá hạn, Hệ số rủi ro tín dụng, Dư nợ trên vốn huy động, Hệ số thu nợ và Hệ số quay vòng vốn tín dụng.

Những nghiên cứu trước đây về QTRTD tại ngân hàng thương mại đã phân tích về các chỉ số trên, ngoài ra cũng có một số ngân hàng cũng đã QTRTD định hướng theo Basel II, nhưng việc áp dụng Basel đòi hỏi sự chuẩn bị về nhiều phương diện và đôi khi áp dụng tại Việt Nam không chuẩn xác nên việc chưa hoàn thiện đánh giá và QTRTD là không thể tránh khỏi.

Trong nghiên cứu này, ngoài đánh giá tình hình nợ xấu, nhóm nợ, và các chỉ số tài chính, tác giả còn sử dụng kết hợp kỹ thuật đánh giá rủi ro tín dụng là xếp hạng tín dụng và chấm điểm tín dụng khách hàng doanh nghiệp đang vay vốn tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên. Từ đó có thể đánh giá được mức độ rủi ro và khả năng mất vốn khi giải ngân cho các khách hàng này và có biện pháp phòng ngừa.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập số liệu: Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên như các báo cáo kết quả kinh doanh từ năm 2018 đến 2020; Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho doanh nghiệp, báo cáo tài chính của khách hàng doanh nghiệp,...

- Xử lý số liệu: Số liệu được tập hợp theo các nội dung nghiên cứu, được xử lý, phân tích tính toán qua phần mềm excel

- Phương pháp phân tích: Bài viết sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả, so sánh để phân tích số liệu thứ cấp, từ đó biết được tình trạng nợ, nợ xấu, xếp hạng các khách hàng doanh nghiệp của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên như thế nào từ đó đánh giá được mức độ rủi ro tín dụng và đưa ra đánh giá.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng QTRTD đối với khách hàng doanh nghiệp tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên

Hiện nay, NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên đang tiến hành QTRTD qua các bước như sau:

Bước 1: Nhận biết rủi ro

Để nhận biết RRTD, ngân hàng đã thiết lập các Phòng/Ban và các bộ phận liên quan nhằm tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin nhằm sớm phát hiện ra các dấu hiệu cho thấy phát sinh RRTD. Quá trình nhận biết RRTD được mô tả qua các bước sau: Đánh giá sơ bộ, xác minh thực tế khách hàng; Phân tích, nhận xét, đề xuất; Kiểm soát, đề xuất; Phê duyệt/đề xuất; Tham mưu; Phê duyệt; Thông báo cho khách hàng. Đối với yêu cầu và bảng câu hỏi của NH đưa ra chỉ cần Khách hàng in Báo cáo tài chính, điền một số thông tin vào bảng, phía NH sẽ dựa vào đó để đánh giá hồ sơ vay vốn.

Bước 2: Đo lường rủi ro tín dụng

Để đánh giá được mức độ RRTD, NH cần phân tích đánh giá và đo lường RRTD đối với cả khách hàng và bản thân nội bộ ngân hàng. Sau khi thu thập thông tin, đánh giá rủi ro, ngân hàng cần lượng hóa các rủi ro đó thông qua các phương pháp, mô hình đo lường RRTD.

Vào ngày 31/7/2018, NH TMCP Sài Gòn Thương Tín đã khởi động "Mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng" triển khai phần mềm xếp hạng tín dụng và đây nhanh quá trình hoàn thành phương pháp tiêu chuẩn và tiến lên phương pháp tiếp cận nội bộ Basel II. Theo đó NH sẽ áp dụng mô hình xác suất vỡ nợ PD (Probability of Default) cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, sau gần 2 năm triển khai tại chi nhánh Thái Nguyên việc áp dụng Basel II vẫn còn gặp nhiều lúng túng và chưa đạt được kết quả như mong đợi. Do vậy, hiện tại ngoài áp dụng Basel II thì NH vẫn sử dụng quy tắc cơ bản 6C đó là: Character (tính chất, đặc điểm, phân loại); Capacity (Năng lực tài chính); Capital (Cấu trúc vốn); Collateral (Tài sản đảm bảo) Conditions (Điều kiện); Control (Kiểm soát)

Bước 3: Kiểm soát và đánh giá rủi ro tín dụng

* Phân tích, đánh giá RRTD đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng theo các chỉ tiêu phản ánh RRTD

Các khoản nợ vay vốn của khách hàng tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên được phân theo 5 nhóm như sau: Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn); Nhóm 2 (nợ cần chú ý); Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn) Nhóm 4 (nợ nghi ngờ) Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn).

Bảng 1: Phân loại dư nợ của Khách hàng doanh nghiệp tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tốc độ tăng trưởng	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	2019 /2018 (%)	2020 /2019 (%)
Dư nợ cho vay KHDN	361.734	100	421.931	100	495.893	100	16,64	17,53
Nợ nhóm 1	350.934	97,01	412.887	97,86	486.887	98,18	17,65	17,92
Nợ nhóm 2	3.934	1,09	4.527	1,07	5.367	1,08	15,07	18,56
Nợ nhóm 3	2.039	0,56	2.597	0,62	2.407	0,49	27,37	(7,32)
Nợ nhóm 4	1334	0,37	1432	0,34	1032	0,21	7,35	(27,93)
Nợ nhóm 5	3.493	0,97	488	0,12	200	0,04	(86,03)	(59,02)
Nợ xấu (nhóm 3,4,5)	6.866	1,90	4.517	1,07	3.639	0,73	(34,21)	(19,44)
Nợ QH (nhóm 2,3,4,5)	10.800	2,99	13.561	3,21	12.645	2,55	25,56	(6,75)

Nguồn: BCKQKD tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên

Thông qua bảng 1, ta thấy kết quả phân loại nợ trong những năm gần đây cho thấy tỷ lệ nợ xấu của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên chiếm ít trong tổng dư nợ ở dưới mức 3% (quy định tỷ lệ nợ xấu theo Thông Tư 23/2020/TT-NHNN) và đang có hướng giảm dần theo thời gian. Tuy nhiên với tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay, nếu

ngân hàng không có chú ý đến nhóm nợ quá hạn thì rất có thể Nợ nhóm 2 sẽ rơi vào nhóm Nợ xấu bất kỳ lúc nào. Do vậy, NH cần có sự điều chỉnh cách phân loại và chú ý hơn trong khâu QTRRTD.

*** Các chỉ tiêu nợ quá hạn**

NH Theo dõi nhóm nợ quá hạn để thấy rõ hơn tình hình khả năng thu hồi vốn và có biện pháp đối phó nếu khả năng mất vốn cao.

Bảng 2: Tình hình NQH của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tốc độ tăng trưởng	
				Năm 2019/2018 (%)	Năm 2020/2019 (%)
				Dư nợ cho vay KHDN	361.734
Nợ quá hạn	10.800	13.561	12.645	25,56	(6,75)
- NQH có khả năng thu hồi	9.655	11.439	11.855	18,48	3,64
- NQH không có khả năng thu hồi	1.145	2.122	790	85,33	(62,77)
Tỷ lệ nợ quá hạn	2,99%	3,21%	2,55%	-	-
Tỷ lệ NQH có khả năng thu hồi/Nợ quá hạn	89,40%	84,35%	93,75%	-	-
Tỷ lệ NQH không có khả năng thu hồi/Nợ quá hạn	10,60%	15,65%	6,25%	-	-

Nguồn: BCKQKD tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên

Nhìn chung NQH của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên cao từ 2,55% đến 3,21% là do khách hàng không trả được nợ hoặc cố tình kéo dài thời gian trả nợ hoặc cố tình không trả nợ cho NH bị NH chuyển nợ quá hạn theo quy định. Trong 9 tháng đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, tác động nghiêm trọng mọi mặt đời sống kinh tế khiến khách hàng gặp khó khăn, nguồn thu giảm dẫn đến khả năng trả nợ giảm, đó là nguyên nhân của NQH cao

tại NH. Mặt khác, việc điều chỉnh lãi suất điều hành liên tục trong giai đoạn 2018 -2020 của Nhà nước cũng ảnh hưởng khá lớn đến khả năng sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.

Đối với các khoản nợ có khả năng thu hồi, ngân hàng thường xuyên chỉ đạo cán bộ tín dụng bám sát đơn vị để tìm hiểu nguyên nhân, kịp thời cùng đơn vị tháo gỡ khó khăn. Nếu do doanh nghiệp sử dụng vốn sai mục đích thì có biện pháp thu hồi ngay vốn cho vay.

* Chỉ tiêu nợ xấu

Căn cứ theo số liệu bảng 3, giai đoạn 2018 - 2020 dư nợ xấu có xu hướng giảm đây là một tín hiệu tích cực trong công tác quản trị RRTD của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên. Cơ cấu nợ xấu theo kỳ hạn, dư nợ xấu tập trung vào dư nợ trung dài hạn với tỷ trọng trung bình hơn 70% qua các năm.

Xem xét nợ xấu phân theo quy mô của NH, phần lớn thuộc khối doanh nghiệp lớn, tỷ trọng nợ xấu luôn vào khoảng 65%/ tổng số NQH qua các

năm, như vậy việc cấp tín dụng đối với các doanh nghiệp lớn có mức độ rủi ro cao hơn nhiều so với các quy mô doanh nghiệp khác. Nếu NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên không có sự điều chỉnh hoạt động cho vay dài hạn khối KHDN lớn hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp giảm xuống, mà cứ tăng dần như giai đoạn 2018 - 2020 thì tương lai tỷ lệ nợ xấu sẽ tăng đáng kể, bước phân tích Nợ xấu trong QTRTD của NH đã nhận thấy nhiều điểm yếu trong vấn đề chọn lựa KHDN để cho vay của NH.

Bảng 3: Tình hình nợ xấu tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên giai đoạn 2018- 2020

Chi tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tốc độ tăng trưởng	
	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	2019/2018 (%)	2020/2019 (%)
Nợ xấu	6.866	100	4.517	1,07	3.639	0,73	(34,21)	(19,44)
1. Phân theo kỳ hạn								
Ngắn hạn	2.279	33,19	1.177	26,06	926	25,45	(48,35)	(21,33)
Trung, dài hạn	4.587	66,81	3.340	73,94	2.713	74,55	(27,19)	(18,77)
2. Phân theo ngành kinh tế								
Thương mại dịch vụ	889	12,95	538	11,91	476	13,08	(39,48)	(11,52)
Công nghiệp	3.084	44,92	2.487	55,06	1.788	49,13	(19,36)	(28,11)
Xây dựng	1.993	29,03	1.007	22,29	932	25,61	(49,47)	(7,45)
Nông lâm nghiệp	648	9,44	300	6,64	377	10,36	(53,70)	25,67
Ngành khác	252	3,67	185	4,10	66	1,81	(26,59)	(64,32)
3. Phân theo đối tượng								
KHDN lớn	4.508	65,66	3.064	67,83	2.508	68,92	(32,03)	(18,15)
KHDN vừa và nhỏ	1.088	15,85	552	12,22	688	18,91	(49,26)	24,64
KHDN FDI	1.270	18,50	901	19,95	443	12,17	(29,06)	(50,83)

Nguồn: BCKQKD tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên; Phân tích, đánh giá và đo lường RRTD đối với khách hàng theo phương pháp chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng

Hiện nay NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên đã xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Quy định về hệ thống chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng. (Ban hành theo Quyết định số 303/2005/QĐ-HĐQT và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác).

Từ tổng điểm kết hợp của hai phần tài chính và phi tài chính sẽ giúp ngân hàng xác định mức phân loại của khoản cho vay theo các nhóm. Từ đó ta thống kê được số lượng các KHDN được đánh giá xếp hạng tín dụng trong tổng số KH xin

cấp tín dụng tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên chủ yếu là khách hàng được đánh giá từ trung bình đến rất tốt và khoản vay của họ Cần chú ý đến đủ tiêu chuẩn khi giải ngân.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại NH khi chưa thực sự quan tâm phân tích, đánh giá nợ theo phương pháp định tính nên có những khoản nợ chưa quá hạn nhưng thực tế đã có nguy cơ mất vốn, gặp khó khăn trong kinh doanh... chưa xếp vào nợ xấu để tiến hành những biện pháp phòng ngừa.

Bảng 4: Tổng kết điểm kết hợp của hai yếu tố tài chính và phi tài chính và xét hạng khách hàng của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020

Tổng số điểm		Xếp hạng	Phân loại nợ	Đánh giá doanh nghiệp	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
Từ	Đến				Khách hàng	Tỷ trọng (%)	Khách hàng	Tỷ trọng (%)	Khách hàng	Tỷ trọng (%)
>90	<=100	AAA	Đủ tiêu chuẩn	Xuất sắc	10	9,43	12	9,52	14	14,0
>80	<=90	AA	Đủ tiêu chuẩn	Rất tốt	25	23,58	23	18,25	27	27,00
>75	<=80	A	Đủ tiêu chuẩn	Tốt	22	20,75	25	19,84	20	20,00
>70	<=75	BBB	Cần chú ý	Tương đối tốt	20	18,87	28	22,22	22	22,00
>65	<=70	BB	Cần chú ý	Trung bình	24	22,64	29	23,02	17	17,00
>60	<=65	B	Cần chú ý	Trung bình	5	4,72	9	7,14	0	0
>56	<=60	CCC	Dưới tiêu chuẩn	Dưới chuẩn	0	0	0	0	0	0
>53	<=56	CC	Dưới tiêu chuẩn	Khả năng không thu hồi cao	0	0	0	0	0	0
>45	<=53	C	Nghi ngờ	Khả năng không thu hồi rất cao	0	0	0	0	0	0
20	<=45	D	Có khả năng mất vốn	Khả năng mất vốn	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng					106	100	126	100	100	100

Nguồn: Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho doanh nghiệp và số liệu phòng Kế toán quỹ NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên

Việc kiểm soát hồ sơ của KHDN tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên diễn ra khá linh hoạt, chặt chẽ để đảm bảo hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Công tác giải ngân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ký kiểm soát trên hợp đồng, do vậy việc thực hiện giải ngân nhanh chóng và đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Giai đoạn kiểm soát này hoàn toàn phù hợp với quy định hiện hành của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên.

Bước 4: Ứng phó và xử lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng

*** Ứng phó RRTD**

Đánh giá các danh mục đầu tư nhằm phân tán rủi ro tại Ngân hàng: theo kỳ hạn, theo ngành kinh tế, theo đối tượng khách hàng nhằm ngăn ngừa RRTD tập trung vào một số khách hàng, ngành nghề, ngành hàng.

Các công cụ tín dụng phái sinh tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên thực hiện

triển khai sản phẩm “Phái sinh giá cả hàng hóa” với các tiện ích như: Hợp đồng tương lai giá cả hàng hóa; Hợp đồng tiêu chuẩn về quyền chọn mua giá cả hàng hóa; Hợp đồng tiêu chuẩn về quyền chọn bán giá cả hàng hóa.

Mua bảo hiểm tín dụng tại ngân hàng: Để hạn chế tổn thất khi rủi ro xảy ra, NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên luôn yêu cầu khách hàng phải mua bảo hiểm khi cho vay dù hiện tại pháp luật về ngân hàng không quy định bắt buộc bên vay phải mua bảo hiểm tín dụng

Trích lập dự phòng rủi ro: Ngoài việc trích lập dự phòng (DP) cụ thể cho từng khoản vay sau khi đã phân loại nợ thì NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 và các khoản nợ khác theo quy định.

Bảng 5: Trích lập rủi ro do tín dụng tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020

Chỉ tiêu	Đơn vị: Triệu đồng		
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
DP cụ thể	4.249	4.597	5.480
DP chung	454	593	272
Tổng quỹ dự phòng	4.703	5.190	5.752
Dư nợ cho vay	361.734	421.931	495.893
DP/dư nợ cho vay	1,30%	1,23%	1,16%

Nguồn: BCKQKD tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên Báo đảm tín dụng tại ngân hàng

Bảng 6: Tình hình tài sản đảm bảo khi vay tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Có TSĐB	341	411	491
Không có TSĐB	20,8	11	5
Dư nợ cho vay	361,8	422	496

Nguồn: BCKQKD tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên

Ta thấy, việc tăng dư nợ cho vay có TSĐB sẽ giúp NH giảm rủi ro khi vì một số lý do chủ quan hay khách quan mà khách hàng không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của mình. Tuy nhiên, ngân hàng cũng không nên quá tin tưởng và phụ thuộc vào TSĐB của khách hàng mà xem nhẹ phân thâm định khi vay vì giá trị TSĐB luôn luôn biến động theo thị trường.

** Xử lý rủi ro tín dụng*

Việc xử lý rủi ro tín dụng là bước cuối cùng trong quy trình QTRTD tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Thái Nguyên. Sau bước quản lý và kiểm soát RRTD nhưng không giải quyết được vấn đề và vẫn xuất hiện RRTD. Ở bước này, NH đã tiến hành phát mãi tài sản đảm bảo của khách hàng như Bất động sản, ô tô, ... tiến hành đấu giá để xử lý khoản nợ xấu. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện tại hay khi ảnh hưởng của dịch Covid-19 chưa kết thúc, việc bán tài sản thu hồi nợ không dễ.

4.2. Đánh giá chung về hoạt động quản trị rủi ro tín dụng đối với Khách hàng doanh nghiệp tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên

4.2.1 Những kết quả đạt được

Các bộ nhân viên tích cực tư vấn cho khách hàng những phương hướng kinh doanh đúng đắn.

Chi nhánh đã phân tích tình hình, xác định đúng hướng đầu tư, nợ xấu được kiểm soát tốt trong giới hạn 2%.

Cơ cấu tín dụng được điều chỉnh theo hướng mục tiêu của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên là giữ vững tỷ trọng cho vay. Xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp được thực hiện ngay từ khi khách hàng bắt đầu có quan hệ tín dụng theo quy định chung của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín..

4.2.2 Những hạn chế

Tại bước đầu tiên là Nhận biết rủi ro phần Thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của khách hàng cung cấp thường không kịp thời, mức độ tin cậy của số liệu khó kiểm chứng, thiếu chặt chẽ trong khâu tiếp nhận và thẩm định.

Việc Đo lường rủi ro tín dụng Ngân hàng mới chỉ đánh giá toàn diện đủ hai chỉ tiêu tài chính và phi tài chính của khách hàng đang hoạt động còn các khách hàng mới thành lập hoặc mới đầu tư chỉ đánh giá dựa vào các chỉ tiêu phi tài chính

điều này sẽ gây nên những sai lệch trong đánh giá tổng hợp điểm xếp hạng tín dụng cho khách hàng.

Tại bước Kiểm soát và đánh giá RRTD, việc tập trung quá nhiều dư nợ vào một số ít ngành hàng, khách hàng làm tiềm ẩn nguy cơ chất lượng tín dụng hay tỷ lệ nợ xấu tăng tại ngân hàng khi một trong những doanh nghiệp này không thanh toán được nợ đúng hạn.

Cuối cùng là bước Ứng phó và xử lý RRTD. NH vẫn còn đang gặp khó khăn trong việc phát mãi tài sản đảm bảo của khách hàng nợ xấu bởi nền kinh tế trong nước đang bị ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và chưa có dấu hiệu giảm.

4.3. Một số giải pháp nâng cao công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với Khách hàng doanh nghiệp tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên

- Tăng cường công tác thu thập và xử lý thông tin phục vụ hoạt động cho vay.

- Thẩm định tốt trước khi cho vay: Khi phân tích các chỉ tiêu tài chính ngoài chỉ tiêu NPV, IRR, ngân hàng cần phải chú trọng đến việc phân tích độ nhạy cảm của các chỉ tiêu hiệu quả.

- Đánh giá hiểm họa rủi ro tín dụng. Đề nhận diện rủi ro tín dụng một cách chi nhánh nên thường xuyên đánh giá sự tác động như: Môi trường kinh tế, sự phát triển của ngành liên quan, môi trường pháp lý; Hiệu quả hoạt động hiện tại của doanh nghiệp, các khoản tín dụng hiện tại và lịch sử của các khoản tín dụng.

- Tăng cường phân loại nợ theo phương pháp định lượng.

- Áp dụng hệ thống chấm điểm tín dụng khoa học và phân loại KH một cách hợp lý.

- Phân tán rủi ro tín dụng: Đa dạng hóa các loại hình cho vay: Cho vay hạn mức, cho vay thấu chi, cho vay từng lần, cho vay đồng tài trợ, ... Đa dạng hóa đối tượng khách hàng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của khách hàng.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ. Trong công tác kiểm tra nội bộ, ngoài thực hiện kiểm tra theo định kỳ, cần tập trung và tăng tần suất kiểm tra các khách hàng có nợ xấu, đánh giá việc thực thi các biện pháp quản lý nợ có vấn đề và khả năng thu hồi nợ.

- Bán lại nợ xấu cho các tổ chức có nhu cầu mua lại nợ.

5. Kết luận:

Với những cải cách về tổ chức, quản lý, công nghệ, NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc trong hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở vận dụng

tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, tác giả đã tập trung nghiên cứu và thực hiện phân tích, đánh giá thực trạng, bài viết đưa ra những giải pháp nhằm quản lý tốt hơn rủi ro tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thái Nguyên trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Diệu Anh. (2013). *Giáo trình Hoạt động kinh doanh ngân hàng*. Hà Nội: NXB Phương Đông.
- [2]. Allan H Willett (1951). *The economic theory of risk and insurance*. Philadelphia: University of Pennsylvania Press.
- [3]. Nguyễn Đăng Dờn. (2004). *Tiền tệ ngân hàng*. NXB Thống kê.
- [4]. Phan Thị Thu Hà. (2005). *Quản trị ngân hàng thương mại*. NXB Đại học giao thông vận tải.
- [5]. Tô Thiện Hiền, Nguyễn Nhật Khang. (12/01/2020). *Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang*. Tạp chí công thương. Truy cập ngày 20/4/2021 <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-hoan-thien-cong-tac-quan-ly-rui-ro-tin-dung-tai-ngan-hang-tmcp-cong-thuong-viet-nam-chi-nhanh-an-giang-67864.htm>.
- [6]. Nguyễn Minh Kiều. (2009). *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*. Hà Nội: NXB Thống kê.
- [7]. Lê Thị Khương. (25/7/2019). *Biện pháp hạn chế rủi ro tác nghiệp từ phía nhân viên ngân hàng*. Tạp chí ngân hàng. Truy cập ngày 20/4/2021 <http://tapchinganhang.gov.vn/bien-phap-han-che-rui-ro-tac-nghiep-tu-phia-nhan-vien-ngan-hang.htm>.
- [8]. Trần Khánh Linh, Nguyễn Thị Hồng Yến. (09/12/2020). *Quản trị rủi ro tác nghiệp tại các ngân hàng thương mại*. Tạp chí tài chính kỳ. Truy cập ngày 20/4/2021 <https://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/quan-ly-rui-ro-tac-nghiep-tai-cac-ngan-hang-thuong-mai-330448.html>.
- [9]. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thái Nguyên. (2018). *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh*. Thái Nguyên.
- [10]. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thái Nguyên. (2019). *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh*. Thái Nguyên.
- [11]. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thái Nguyên. (2020). *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh*. Thái Nguyên.
- [12]. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thái Nguyên. (2018). *Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho doanh nghiệp Sacombank*. Thái Nguyên.
- [13]. Nguyễn Văn Tiến (2010). *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*. NXB Thống kê.
- [14]. Đào Nguyên Thuận (06/02/2019), *Quản trị rủi ro tín dụng tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam*. Tạp chí điện tử Tài chính. Truy cập ngày 20/4/2021 <https://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/quan-tri-rui-ro-tin-dung-tai-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-302360.html>
- [15]. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN về việc thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, có hiệu lực từ ngày 01/06/2014.

Thông tin tác giả:

1. Bùi Thị Ngân

-Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: nganbui.vn@gmail.com

2. Nguyễn Thị Linh Trang

-Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

3. Lê Thu Hoài

-Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 19/04/2021

Ngày nhận bản sửa: 28/5/2021

Ngày duyệt đăng: 30/5/2021